

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi Gõ xã Giao An, huyện Lang Chánh của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1149/QĐ-UBND ngày 04/4/2022 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy phép môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường của các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh;

Theo Quyết định số 1951/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Lang Chánh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi Gõ xã Giao An, huyện Lang Chánh;

Xét Văn bản số 179/STNMT-BVMT ngày 07/01/2025 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường về thông báo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi Gõ xã Giao An, huyện Lang Chánh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 104/Tr-STNMT ngày 23/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi Gõ xã Giao An, huyện Lang Chánh (sau đây gọi là dự án) của Ban Quản lý

dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi Gõ xã Giao An, huyện Lang Chánh của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Lang Chánh, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3, QĐ;
- Bộ TN&MT (để b/c);
- UBND xã Giao An (để giám sát);
- Lưu: VT, CCBVMT, PgNN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi
Gỗ xã Giao An, huyện Lang Chánh của Ban Quản lý dự án đầu tư xây
dựng huyện Lang Chánh

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

1. Thông tin chung dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi Gỗ xã Giao An, huyện Lang Chánh.

- Địa điểm thực hiện: xã Giao An, huyện Lang Chánh.

- Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lang Chánh.

+ Người đại diện: Ông Phạm Hùng Sâm;

+ Chức vụ: Giám đốc;

+ Địa chỉ: Thị trấn Lang Chánh, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

1.2.1. Phạm vi dự án

Dự án Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ đường tỉnh 530D đi cầu Bãi Gỗ xã Giao An, huyện Lang Chánh có tổng chiều dài tuyến khoảng 2,3 km, trong đó:

- Điểm đầu Km0+00 giao với đường tỉnh 530D tại Km4+300 xã Giao An;

- Điểm cuối Km2+146,93 tại đầu cầu Bãi Gỗ, xã Giao An.

1.2.2. Quy mô dự án

Đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông đạt quy mô và tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi theo TCVN 4054-200: Đường ô tô – yêu cầu thiết kế, cụ thể:

- Tuyến đường dài khoảng 2,3km, với vận tốc thiết kế 30km/h; bề rộng nền đường $B_n=10,5m$; mặt đường $B_m=7,5m$; lề đường $B_l=2 \times 1,5 = 3,0m$; 01 cầu bản BTCT DƯL khẩu độ 18m tại lý trình Km0+602.

- Hệ thống thoát nước và các công trình phụ trợ.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Thi công nền đường: Đào bỏ lớp hữu cơ và đắp đất nền đường; độ dốc mái taluy đắp 1/1,5, đào 1/0,75; độ dốc ngang mặt đường $i=3\%$; dốc siêu cao trong đường cong $i_{max}=5$; độ dốc ngang lề gia cố $i=3\%$; độ dốc ngang lề không gia cố $i=4\%$; lớp đất đắp nền đường đầm lèn K0,98 dày 30cm, nền đường đầm chặt K95; đối với các đoạn thiết kế rãnh dọc tuyến gia cố bằng BTXM thì mặt đường được mở rộng đến mép rãnh để tăng khả năng lưu thông.

- Thi công mặt đường: Kết cấu loại 1 (áp dụng cho mặt đường làm mới và mở rộng) gồm: lớp láng nhựa 02 lớp với TCN 4,5kg/m², dày 3,5cm; lớp mặt

đường đá dăm nước dày 14cm; lớp móng đường đá dăm nước dày 24cm (chia 2 lớp 14cm và 10cm). Kết cấu loại 2 (áp dụng cho mặt đường trên lớp kết cấu áo đường cũ) gồm: lớp láng nhựa 02 lớp, với TCN 4,5kg/m² (dày 3,5cm); lớp mặt đường đá dăm nước dày 14cm; bù vênh mặt đường cũ bằng đá 4x6.

- Xây dựng công trình thoát nước gồm: Cống nước ngang gồm 02 cống tròn $\Phi K = 1,5m$, 02 cống tròn $\Phi K = 1,0m$ và 02 cống bản $K\Phi = 1,0m$; 01 cầu bản BTCT DƯL khẩu độ 18m tại lý trình Km0+602; bố trí rãnh dọc BTXM M200 tiết diện Bxh = 50x50 cm, thành và đáy rãnh dày 50cm đối với đoạn dễ xói lở; bố trí rãnh chịu lực tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng 50 cm đối với đường ngang; bố trí rãnh BTCT có nắp đan, tiết diện Bxh = 50x60cm đối với đoạn trong khu dân cư.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng 1.450 m² đất trồng lúa 02 vụ, là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Các tác động chính của dự án phát sinh chủ yếu trong giai đoạn xây dựng, cụ thể: Giải phóng mặt bằng, đào đắp nền đường, mặt đường, thi công cống thoát nước, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, phế thải, hoạt động của máy móc, thiết bị trên công trường, hoạt động của công nhân tham gia thi công xây dựng.

- Các hoạt động này sẽ phát sinh bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, tiếng ồn, độ rung,... tác động đến hoạt động tiêu thoát nước khu vực, dân cư và các yếu tố tự nhiên, xã hội khác.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư (giai đoạn thi công)

3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt 2,75 m³/ngày, gồm: Nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân 1,375 m³/ngày; nước thải ăn uống 0,825 m³/ngày; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) 0,55 m³/ngày; thành phần như chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

- Nước thải rửa xe, thiết bị thi công hạng mục công trình phát sinh khoảng 6,0 m³/ngày; thành phần chủ yếu là cặn lơ lửng, dầu mỡ, pH cao...

- Lượng nước mưa chảy tràn tại khu vực công trường khoảng 133,4 lít/s; thành phần chủ yếu là: Bùn đất, rác thải, chất rắn lơ lửng,...

3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp, phương tiện thi công; vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu...thành phần chủ yếu gồm: Bụi, CO, SO₂, NO₂, hơi xăng,...

- Bụi và khí thải từ hoạt động tưới nhựa dính bám lớp mặt đường; thành phần gồm bụi vô cơ, khí CO, SO₂, NO₂.

3.3. Nguồn phát sinh, quy mô của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Phát sinh khoảng 18,5 kg/ngày, thành phần chủ yếu là thức ăn thừa của công nhân, nhựa, giấy, bìa carton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải rắn xây dựng: Thực vật phát quang 13,2 tấn; phá dỡ công trình hiện trạng 685,9 m³; đất bóc tầng đất mặt của đất trồng lúa 290,0 m³; đất không tận dụng đắp 13.607,43 m³; chất thải rắn rơi vãi (đất, đá dăm, cát...) khoảng 169,9 tấn; sắt thép thừa, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ... khoảng 4,8 tấn.

3.4. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

- Chất thải rắn nguy hại phát sinh gồm: giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa... khối lượng khoảng 5,0 kg/tháng.

- Chất thải lỏng nguy hại chủ yếu là dầu máy với lượng khoảng 48 lít/quá trình thi công.

3.5. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu; thi công thực hiện dự án,....

3.6. Các tác động khác

- Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng 1.450 m² đất trồng lúa 2 vụ.

- Hoạt động đào đắp nền đường; hoạt động thi công các hạng mục công trình trên tuyến, vận chuyển nguyên vật liệu, đất, phế thải ảnh hưởng đến hoạt động giao thông khu vực dự án và tiềm ẩn nguy cơ sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, cháy, nổ.

- Hoạt động tập trung đông công nhân gây ảnh hưởng, làm mất trật tự an ninh xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án (giai đoạn thi công)

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải

- Đối với nước mưa: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời kích thước R x C = 0,3m x 0,3m; hố gas tạm kích thước DxRxH = 0,5mx0,5mx0,5m để thoát nước mưa, khoảng cách 50m/hố gas. Nước mưa chảy tràn sau khi thu gom chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải xây dựng: Bố trí 01 bể lắng 4 m³ kích thước DxRxH = 2mx2mx1m (kết cấu bằng đất đầm chặt, phủ bạt nhựa HDPE), bể được chia làm 2 ngăn bởi vách ngăn, bên trong bể bố trí 01 phao quay thu vớt dầu. Nước thải sau xử lý được tận dụng toàn bộ để tưới đường giảm bụi, vớt dầu được thu gom, lưu giữ và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý.

- Đối với nước thải tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân: Thu gom về hố lắng 4m³ (sử dụng chung bể lắng nước thải xây dựng) để xử lý; một phần được tận dụng tưới đường giảm bụi, phần còn lại thải ra hệ thống thoát nước chung

của khu vực.

- Đối với nước thải ăn uống: Xây dựng 01 bể tách dầu mỡ có dung tích $0,5 \text{ m}^3$ (có thành và đáy được lót vải địa kỹ thuật HDPE để chống thấm) bố trí tại khu lán trại để xử lý, sau đó dẫn bể lắng dung tích $4,0 \text{ m}^3$ (cùng với bể lắng nước rửa chân tay, nước thải xây dựng) để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

- Nước thải sinh hoạt công nhân: Thuê 02 nhà vệ sinh di động có dung tích bể chứa chất thải $0,5 \text{ m}^3/\text{nghị}$ để thu gom, xử lý; hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút bùn cặn (tần suất 02 ngày/lần) bằng xe chuyên dụng.

4.2. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động gồm: Quần áo bảo hộ, mũ, khẩu trang, kính...theo quy định, bố trí thời gian cho công nhân nghỉ ngơi hợp lý.

- Đối với hoạt động đào đắp, hoạt động đổ thải, thực hiện trút đổ đến đâu, san gạt lu lèn đến đó để giảm bụi khuếch tán vào môi trường.

- Phun nước trên công trường khi thực hiện công tác đào đắp, lu lèn, đầm nén để giảm bụi phát tán với tần suất tối thiểu 2 lần/ngày; tăng số lần phun nước lên 04 lần/ngày trong điều kiện thời tiết khô hanh tại một số vị trí nhạy cảm như: Khu dân cư, trường học, công sở, chợ, trạm y tế....

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh trên tuyến đường vận chuyển, các tuyến đường gần dự án như: Đường vào Quốc lộ 15, đoạn đường qua khu dân cư, trường học và công sở xã Giao An,...

- Các xe vận tải chuyên chở nguyên vật liệu cho quá trình thi công xây dựng phải có bạt che kín thùng xe; phun nước rửa sạch bùn đất dính bám trên lớp xe trước khi ra vào tuyến đường xây dựng; được kiểm định định kỳ theo đúng quy định; giảm tốc độ thi công, lưu lượng vận chuyển vào ban đêm và vào các giờ cao điểm buổi sáng.

4.3. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng rác thể tích 60 lít (có nắp đậy) tại công trường; 02 thùng (dung tích 60 lít/thùng) đặt tại khu vực thi công; 01 xe đẩy rác bằng tay (dung tích chứa 05 m^3) đặt tại khu tập kết gần lán trại công nhân (diện tích 4 m^2) để thu gom rác thải tập trung; Đơn vị thi công thuê đơn vị chức năng vận chuyển và xử lý theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

- Chất thải rắn xây dựng:

- + Khối lượng rừng trồng bị phát quang giao cho các hộ gia đình đang quản lý thu gom, sử dụng, thực hiện theo yêu cầu quy định của Luật Lâm nghiệp; thực vật phát quang được người dân thu dọn trước khi thi công, phần còn lại không thu dọn được Chủ đầu tư hợp đồng với đơn vị vận chuyển, xử lý theo quy định.

- + Đất bóc tầng đất mặt của đất trồng lúa được tận dụng cải tạo đồng ruộng tại thửa số 287, 237, tờ bản đồ số 109, bản đồ địa chính xã Giao An được

đo vẽ năm 2009 (*Biên bản thỏa thuận tận dụng tầng đất mặt của đất chuyên đổi từ đất chuyên trồng lúa nước đính kèm phần phụ lục*).

+ Đất không tận dụng đắp được thu gom, vận chuyển về bãi đổ thải của dự án tại thôn Chiềng Nang, xã Giao An, huyện Lang Chánh thuộc thửa số 493, tờ bản đồ số 01, bản đồ giao đất lâm nghiệp xã Giao An, diện tích 65.000 m², loại đất rừng sản xuất (RSX) được UBND huyện cấp GCNQSD đất, số giấy phát hành 941554- H00968 cấp ngày 12/12/1995 do hộ gia đình ông Lê Thanh Ba đang quản lý, sử dụng (*đã được UBND huyện Lang Chánh chấp thuận tại Văn bản số 2481/UBND-TNMT ngày 04/12/2024*).

+ Vật liệu dễ rơi vãi (bao gồm cát, đá dăm, đất,...) được thu gom, tận dụng vào san lấp đắp nền trên toàn bộ tuyến đường; chất thải rắn có thể tái chế như mẫu sắt thép thừa, bao bì xi măng, ống nhựa vỡ được thu gom và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

4. 4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Trang bị ít nhất 02 thùng chứa dung tích 120 lit (trong đó 01 thùng chứa CTNH dạng lỏng và 01 thùng chứa CTNH dạng rắn) có nắp đậy kín, dán nhãn cảnh báo nguy hại, bố trí trong góc nhà kho của lán trại diện tích khoảng 05 m²; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Đối với chất thải lỏng nguy hại yêu cầu hợp đồng với các cơ sở có chức năng thực hiện thay dầu và bảo dưỡng tại gara của cơ sở.

4.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Bảo dưỡng thường xuyên các thiết bị giảm thanh của các máy móc gây ra tiếng ồn cao như máy khoan, máy xúc, máy ủi, xe lu...

- Kiểm tra mức độ ồn rung trong quá trình xây dựng để đặt ra lịch thi công phù hợp để mức tiếng ồn và rung động đạt tiêu chuẩn cho phép. Các phương tiện vận chuyển, máy móc thi công phải đảm bảo độ rung nằm trong giới hạn cho phép QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Tổ chức lao động hợp lý nhằm tạo ra những khoảng nghỉ không tiếp xúc với rung động khoảng từ 20 - 30 phút và với thời gian tối đa cho một lần làm việc liên tục không quá 4h; hạn chế các xe trọng tải lớn vận chuyển vật liệu vào ban đêm.

4.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải phù hợp nhằm phòng chống cuốn trôi đất, đá; tuân thủ quy trình vận chuyển, đổ thải; thực hiện giám sát an toàn bãi thải trong suốt quá trình thi công, bảo đảm việc đổ đất thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Không thi công trong thời gian có mưa lũ; cấm biển báo tại nơi có nền địa chất yếu, dễ xảy ra sạt lở. Thường xuyên theo dõi, giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển sạt lở đất đá, sụt lún tại các mái taluy âm dọc theo các tuyến đường và các vị trí cầu, cống; khi phát hiện dấu hiệu mất an toàn phải dừng ngay các hoạt động thi công, khẩn trương đưa người và thiết bị ra

khỏi khu vực nguy hiểm; báo cáo cơ quan chức năng để phối hợp ứng phó sự cố môi trường

- Tuyên truyền, phổ biến giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với đội ngũ cán bộ và công nhân tham gia thi công Dự án; giám sát chặt chẽ lực lượng thi công xây dựng, đảm bảo không chặt hạ và làm ảnh hưởng đến cây rừng ngoài phạm vi thi công của Dự án; ngăn chặn mọi hành vi chặt phá cây rừng, săn bắt động vật hoang dã, xâm hại cảnh quan, hệ sinh thái rừng.

- Tháo dỡ các lán trại tại công trường, thu gom và xử lý các loại chất thải theo đúng quy định; san gạt, đầm nén tại các vị trí công trường đáp ứng yêu cầu và bàn giao lại cho địa phương tiếp tục quản lý và sử dụng.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và đền bù giải phóng mặt bằng theo quy định.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó các sự cố: Lắp đặt biển cảnh báo công trường đang thi công; không vận chuyển nguyên vật liệu vào các khung giờ cao điểm; lắp đặt đèn cảnh báo, biển báo hiệu, hàng rào cảnh báo và bố trí nhân lực hướng dẫn phân luồng giao thông tại các nút giao thông nối từ công trường với tuyến đường chính của khu vực,..;

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Căn cứ theo Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải, khí thải.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Phối hợp với Chi cục Kiểm lâm tỉnh Thanh Hoá, chính quyền địa phương thực hiện giám sát việc chặt hạ cây trong diện tích rừng trong khu vực dự án.

- Kiểm tra, rà soát toàn bộ thông tin của dự án đảm bảo thống nhất số liệu, vị trí giữa hồ sơ và thực hiện về hiện trạng rừng, loại rừng; khoanh định hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Lắp đặt hệ thống, biển báo, mốc giới các địa bàn thi công khu vực Dự án và phối hợp với chính quyền địa phương thông báo cho nhân dân trong khu vực Dự án về thời gian và địa bàn thi công, xây dựng; có các biện pháp tạm thời để bảo đảm an toàn giao thông.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, số liệu tính toán, đo đạc, các mốc toạ độ của Dự án đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu, dữ liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động, ảnh hưởng bất lợi đến cảnh quan, hệ sinh thái hoạt động giao thông đường bộ và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện Dự án; đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường bảo đảm đạt QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và các quy chuẩn hiện hành khác, yêu cầu của địa phương về bảo vệ môi trường.

- Tháo dỡ các công trình tạm ngay sau khi kết thúc thi công, xây dựng; thực hiện kịp thời công tác phục hồi, hoàn trả mặt bằng tại các công trường thi công, các khu vực đất tạm chiếm dụng, bãi chứa vật liệu tạm, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro cho môi trường.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Khoản 4, Điều 37, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 27, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Điều 114 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020./.